

QUYẾT ĐỊNH

PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

**V/v yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản,
phân chia tài sản chung để thi hành án.**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lương Tiến Phương.

Các Thẩm phán: Ông Cà Văn Păng

Bà: Phạm Thị Thu Hằng.

Thư ký phiên họp: Bà Đặng Thị Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên họp: Bà Lò Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2018/TLPT-VDS ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc “*yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án*”.

Do Quyết định số: 06/2018/QĐDS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2018/QĐPT-VDS ngày 13 tháng 12 năm 2018, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Phạm Văn L - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Điện Biên.

Địa chỉ: Tổ dân phố x, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (Có đơn yêu cầu giải quyết giải quyết vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Sùng Sĩa P, sinh năm 1970. Địa chỉ: Bản H 1, xã T, huyện M, tỉnh Điện Biên.

+ Bà Giàng Thị T1, sinh năm 1970. Địa chỉ: Bản H 1, xã T, huyện M, tỉnh Điện Biên.

- + Bà Hồ Thị D, sinh năm 1931. Địa chỉ: Bản H 1, xã T, huyện M, tỉnh Điện Biên.
- + Anh Sùng A P1, sinh năm 1999. Địa chỉ: Địa chỉ: Bản H 1, xã T, huyện M, tỉnh Điện Biên.
- + Anh Sùng A S, sinh năm 2003. Địa chỉ: Bản H 1, xã T, huyện M, tỉnh Điện Biên.
- + Chị Sùng Thị K, sinh năm 1996. Địa chỉ: Bản H 1, xã T, huyện M, tỉnh Điện Biên.
- + Cháu Sùng Châu T2, sinh năm 2008 (người đại diện theo pháp luật: Ông Sùng Sĩa P) Địa chỉ: Bản H 1, xã T, huyện M, tỉnh Điện Biên.
- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Văn L - Người yêu cầu giải quyết việc dân sự.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu ngày 06/9/2018 và quá trình giải quyết vụ việc, người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Phạm Văn L trình bày:

Theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 06/2017/QĐST-DS ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện M thì ông Sùng Sĩa P phải trả cho UBND huyện M số tiền đang nợ là 34.200.000 đồng (*Ba mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng chẵn*) và trả làm hai lần. Lần thứ nhất sẽ trả vào ngày 30/11/2017 là 20.000.000 đồng, lần thứ hai sẽ trả vào ngày 28/3/2018 trả số tiền còn lại 14.200.000 đồng. Nếu đến hạn mà ông P không trả số tiền trên cho Ủy ban nhân dân huyện M thì hàng tháng ông P còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền chậm trả lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngày 21/3/2018 Chi cục thi hành án dân sự huyện M đã ban hành Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 69/QĐ-CCTHADS đối với ông P để thi hành khoản tiền 34.200.000 đồng, ông P mới thi hành được 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) theo biên lai thu tiền thi hành án số AC/2010/00160 ngày 26/4/2018, ông P còn phải thi hành số tiền còn lại là 24.200.000 đồng (*Hai mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng*).

Ngày 12/7/2018 Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Điện Biên ra thông báo số 01/TB-THA về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án cho ông Sùng Sĩa P, bà Giàng Thị T1, chị Sùng Thị K, anh Sùng A P1, anh Sùng A S, anh Sùng Châu T2 (Người đại diện là ông Sùng Sĩa P), bà Hồ Thị D. Hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, ông Sùng Sĩa P, bà Giàng Thị T1, bà Hồ Thị D, chị Sùng Thị K, anh Sùng A P1, anh Sùng A S, anh Sùng Châu T2, không có thỏa thuận về tài sản và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 13/8/2018 Chi cục thi hành án dân sự huyện M ban hành thông báo số 04/TB-THA về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án cho ông Đào Trọng H3 (là người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện M) để ông H3 thực hiện quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền

sử dụng đất đối với tài sản thi hành án của gia đình ông Sùng Sĩa P. Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 17/9/2018 ông Phạm Văn L là Chấp hành viên thuộc Chi cục Thi hành án huyện M đã nộp đơn tại Tòa án nhân dân huyện M, đơn đề ngày 6/9/2018, yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án trong khối tài sản của hộ gia đình ông Sùng Sĩa P, bà Giàng Thị T1 và các thành viên khác trong gia đình để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, tài sản yêu cầu xác định gồm:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

* 01 thửa đất số 46, tờ bản đồ số 19; Địa chỉ thửa đất: Bản H 1, xã T, huyện M, tỉnh Điện Biên; diện tích: 1787,4m²; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 011818; số vào sổ cấp GCN: CH00066 do UBND huyện M cấp ngày 07/12/2015 mang tên người sử dụng đất: Ông Sùng Sĩa P - sinh năm 1970, bà Giàng Thị T1 - sinh năm 1971.

* Tài sản gắn liền với đất:

01 nhà gỗ kiểu dân tộc Mông gồm 05 gian, lớp ngói xi măng khoảng 5.000 viên; nhà có diện tích sử dụng khoảng 150m².

Nhà thương bằng ván; nền lát gạch men, nhà gồm 24 cột gỗ tròn được kê bằng tảng bê tông hình tròn; trong đó có 16 cột quân dài khoảng 3m, đường kính khoảng 30cm; 08 cột cái dài khoảng 4m, đường kính khoảng 30cm; 21 tấm proxi măng lợp hiên nhà phía trước đã cũ, dài 1,4m rộng khoảng 1m.

2. Quyền sử dụng đất:

Thửa đất: Gồm 02 thửa; Địa chỉ: Bản H1, H2, xã T, huyện M, tỉnh Điện Biên; Số CD 011819, số vào sổ cấp GCN: CH00194 do UBND huyện M cấp ngày 10/12/2015; Tổng diện tích: 19.654,5m² mang tên người sử dụng đất: Ông Sùng Sĩa P - sinh năm 1970 và bà Giàng Thị T - sinh năm 1970.

3. 01 chiếc xe máy BKS 27V1-02271 nhãn hiệu HONDA; số khung 489195; số máy: 6446364, chủ xe là ông Sùng Sĩa P; Địa chỉ: Bản H, xã T, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Sau khi thụ lý, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt thông báo thụ lý việc dân sự số 06/TB-TA ngày 18/9/2018 cho hộ gia đình ông Sùng Sĩa P nhưng không tổng đạt được, sau đó TAND huyện M đã tiến hành lập biên bản làm việc với trưởng bản và UBND xã T. Gia đình ông Sùng Sĩa P có hộ khẩu thường trú tại bản H 1, xã T, huyện M, gồm có 07 nhân khẩu: ông Sùng Sĩa P, bà Giàng Thị T1 (vợ), bà Hờ Thị D (mẹ) và các con là Sùng A P1, Sùng A S, Sùng Thị K, Sùng Châu T2. Nhưng gia đình ông P không có mặt tại địa phương, người thân và chính quyền địa phương không biết đi đâu, làm gì, khi đi không khai báo tạm vắng. Hiện bà Hờ Thị D đang ở cùng với con gái là Sùng Thị V tại bản H2, xã T.

Bà Hồ Thị D cho biết: Bà có tên trong hộ khẩu gia đình của ông P nhưng bà không ở cùng với hộ gia đình ông, toàn bộ tài sản của hộ gia đình ông P không liên quan gì đến bà, bà không có tài sản gì trong khối tài sản của hộ gia đình ông P, hiện gia đình ông P đi đâu, làm gì bà không biết.

Theo các tài liệu do ông Phạm Văn L cung cấp thông tin về địa chỉ, họ tên của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như vợ ông P tên Giàng Thị C hay Giàng Thị T1, sinh năm 1970 hay 1971 (*Tại đơn yêu cầu của chi cục thi hành án thì tên là Giàng Thị T1 - sinh năm 1970, tại biên bản xác minh điều kiện thi hành án tên là Giàng Thị T1 - sinh năm 1971; trong sổ hộ khẩu của gia đình ông P thì tên là Giàng Thị T1 - sinh năm 1971, trong 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là Giàng Thị C - sinh năm 1970*).

Tòa án nhân dân huyện M đã yêu cầu ông L cung cấp địa chỉ mới và tên gọi, năm sinh chính xác của vợ ông P, tài liệu chứng cứ liên quan đến quyền sở hữu, những người được sở hữu, ký phần đóng góp của các thành viên trong gia đình đối với tài sản chung, nhưng ông L không cung cấp được.

Tại phiên họp sơ thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do. Ông Phạm Văn L đề nghị xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung trong khối tài sản của gia đình ông Sùng Sĩa P để thi hành án. Tuy nhiên, ông L không cung cấp được địa chỉ mới của hộ gia đình ông P, không xác định rõ danh tính và năm sinh của vợ ông P, ký phần sở hữu tài sản của những thành viên trong hộ gia đình ông P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn yêu cầu của ông Phạm Văn L về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án.

Từ các nội dung trên Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định:

Căn cứ các Điều 150, 369, 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 33, 34, 35, 75 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 158, 163, 164, 221 của Bộ luật dân sự, khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn L - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện M về việc yêu cầu Tòa án giải quyết xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của ông Sùng Sĩa P để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu ông Phạm Văn L không phải nộp tiền lệ phí.

Ngoài ra, Quyết định còn tuyên quyền kháng cáo của người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; quyền kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/11/2018 ông Phạm Văn L có đơn kháng cáo nhất trí quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số: 06/2018/DSST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên với lý do sau:

- Tôi không cung cấp chỗ ở mới của người phải thi hành án và gia đình họ là trái với Điều 192 của BLTTDS năm 2015 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TANDTC.

- Tôi không xác định được kỹ phần sở hữu của từng thành viên trong gia đình ông Sùng Sĩa P đối với khối tài sản chung là trái với khoản 1 Điều 74 luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

- Tôi không xác định rõ danh tính và năm sinh của bà Giàng Thị C (vợ ông P).

- Về thời hiệu kháng cáo: Ông Phạm Văn L được quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định (ngày 20/11/2018).

Tại phiên họp phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng những quy định của BLTTDS năm 2015. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên họp phúc thẩm; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập để tham gia phiên họp nhưng đều vắng mặt không có lý do, Tòa án đã niêm yết giấy triệu tập đúng theo quy định của pháp luật và tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự là đúng quy định. Về nội dung: Ông Phạm Văn L chưa cung cấp được địa chỉ mới của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; chưa xác định rõ danh tính của bà Giàng Thị T do có mâu thuẫn với các tài liệu do chính ông L cung cấp; không có biện pháp bảo đảm thi hành án; những tài sản yêu cầu xác định để phân chia quyền sở hữu, quyền sử dụng trong khối tài sản chung của hộ gia đình ông P nay đã chuyển nhượng cho người khác quản lý. Cho nên kháng cáo của ông Phạm Văn L không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng giải quyết việc dân sự căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 375 của BLTTDS năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn L, giữ nguyên Quyết định giải quyết việc dân sự của Tòa án cấp sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Văn L là Chấp hành viên thuộc Chi cục Thi hành án huyện M, tỉnh Điện Biên đã có đơn yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án cho Tòa án nhân dân huyện M là phù hợp với quy định tại khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39 của BLTTDS năm 2015. Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn L làm trong hạn luật định phù hợp với khoản 1 Điều 372 của BLTTDS năm 2015, kháng cáo hợp lệ, nên được xem xét, giải quyết.

[2] Người yêu cầu giải quyết việc dân sự (ông Phạm Văn L) đã nhận được giấy triệu tập số 01/GTT-ĐS ngày 13/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên vào ngày 17/12/2018 về việc mở phiên họp giải quyết việc dân sự phúc thẩm vào lúc 08 giờ ngày 28/12/2018. Tuy nhiên, ông L đã có đơn yêu cầu giải quyết phiên họp vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 374 của BLTTDS năm 2015. Về sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú (bản H 1), tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M và Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp sơ thẩm và phúc thẩm. Riêng bà Hồ Thị D đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, bà D khẳng định là bà không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến khối tài sản của hộ gia đình ông Sùng Sĩa P, không có mặt tại phiên họp. Nên Tòa án tiến hành phiên họp phúc thẩm giải quyết kháng cáo của ông Phạm Văn L vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo khoản 3 Điều 367 của BLTTDS năm 2015.

[3] Xét về kháng cáo của ông Phạm Văn L cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu ông cung cấp chỗ ở mới của người phải thi hành án là trái với Điều 192 của BLTTDS năm 2015 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TANDTC.

Điều 192 của BLTTDS năm 2015 là quy định việc trả đơn khởi kiện, hậu quả của việc trả lại đơn khởi kiện và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP của HĐPTANDTC hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của BLTTDS về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện lại vụ án. Sau khi thụ lý việc dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ do người yêu cầu giải quyết việc dân sự cung cấp không được với lý do họ không có mặt tại nơi cư trú và làm việc với chính quyền địa phương, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Nên Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu ông L cung cấp chỗ ở mới (địa chỉ mới) của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn L cho rằng trái với Điều 192 của BLTTDS năm 2015 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Xét về việc kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định người yêu cầu giải quyết việc dân sự không xác định rõ danh tính và năm sinh của bà Giàng Thị C (vợ ông P).

Tại biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ ngày 17/9/2018 giữa ông Phạm Văn L với Tòa án nhân dân huyện M (Bút lục số 34) đều thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: “CH” 00066, thửa đất số 46, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.787,4 m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: “CH” 00194, của hai thửa đất (gồm: Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 09, diện tích 7.100,2m² và thửa đất số 05, tờ bản đồ số 22, diện tích 12.554,3m²) đều mang tên

bà Giàng Thị C - sinh năm 1970, số CMND: 040446202 do Công an tỉnh Điện Biên cấp ngày 25/11/2010 trùng hợp với giấy chứng minh thư nhân dân của bà Giàng Thị C (Bút lục số 20). Riêng biên bản xác minh điều kiện thi hành án ghi ngày 04/4/2018 thì vợ là Giàng Thị C - sinh năm 1971; còn hộ khẩu của hộ gia đình ông Sùng Sĩa P có vợ là Giàng Thị T1, sinh 1971. Tại đơn yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung ghi ngày 06/9/2018 là bà Giàng Thị T1, sinh năm 1971. Do có sự mâu thuẫn về tên, năm sinh của vợ ông Sùng Sĩa P, nên TAND huyện M đã có Quyết định số 03/2018/QĐ-CCTLCC, ngày 12/10/2018 về việc yêu cầu ông Phạm Văn L cung cấp thông tin chính xác về tên, năm sinh của vợ ông Sùng Sĩa P. Tại công văn số 47/CV-CCTHADS, ngày 17/10/2018 của Chi cục THADS huyện M trả lời Quyết định số 03/2018/QĐ-CCTLCC, ngày 12/10/2018 của TAND huyện M có ghi tên chính xác của vợ ông Sùng Sĩa P là bà Giàng Thị C - sinh năm 1970 (*không có các tài liệu chứng cứ kèm theo*). Do vậy, Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2018/QDDS-ST, ngày 20/11/2018 của TAND huyện Mường C nhận định “*không xác định rõ danh tính và năm sinh*” của bà Giàng Thị T1 (vợ của ông P) là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Xét về thời hiệu kháng cáo: Ông Phạm Văn L cho rằng Tòa án cấp sơ chuyên Quyết định số 06/2018/QDDS-ST, ngày 20/11/2018 cho ông vào ngày 27/11/2018 là chậm 08 ngày so với quy định.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 370 của BLTTDS năm 2015 quy định: “*Quyết định giải quyết việc dân sự phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp, người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra Quyết định*”. Tại khoản 2 Điều 147 của BLDS năm 2015 quy định: “*Khi thời hạn được xác định bằng ngày, tuần, tháng, năm thì ngày đầu tiên của thời hạn không được tính mà tính từ ngày tiếp theo liền kề ngày được xác định*”. Căn cứ vào mục 1 Công văn số 166/2001/KHXX, ngày 14/12/2001 của TANDTC hướng dẫn về việc tính thời hạn kháng cáo, kháng nghị quy định: “*Thời điểm bắt đầu tính thời hạn kháng cáo, kháng nghị là ngày tiếp theo của ngày được xác định*”.

Như vậy, Quyết định số 06/2018/QDDS-ST, ngày 20/11/2018 của TAND huyện M giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện M ngày 27/11/2018 là đúng trong hạn 05 ngày làm việc (tính từ ngày 21/11/2018 đến 27/11/2018) và phù hợp với quy định của pháp luật, có căn cứ, cần chấp nhận. Hơn nữa, ông Phạm Văn L là người yêu cầu giải quyết việc dân sự đã có mặt tại phiên họp sơ thẩm ngày 20/11/2018 và kháng cáo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự ngày 29/11/2018 là vẫn trong hạn luật định và đảm bảo quyền kháng cáo của ông Phạm Văn L.

[6] Xét về nội dung kháng cáo về việc không xác định được kỹ phần sở hữu của từng thành viên trong gia đình ông Sùng Sĩa P đối với khối tài sản chung là trái với khoản 1 Điều 74 luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) quy định: “Trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án thì Chấp hành viên phải thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự...”. Qua các tài liệu có trong hồ sơ việc dân sự cho thấy Chấp hành viên đã thực hiện việc yêu cầu người phải thi hành án tự thỏa thuận để họ tự phân chia tài sản chung để thi hành án nhưng không có kết quả, cho nên, mới yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án là đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết việc dân sự những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Sùng Sĩa P, bà Giàng Thị T1, anh Sùng A P1, Anh Sùng A S, chị Sùng Thị K, cháu Sùng Châu T2 đều không có mặt tại địa phương, đi đâu chính quyền địa phương không biết. Riêng bà Hờ Thị D thì khẳng định không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì đến khối tài sản chung mà người yêu cầu giải quyết việc dân sự để phân chia để thi hành án.

Mặt khác, đối với những tài sản mà ông Phạm Văn L yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung như thửa đất số 46, tờ bản đồ số 19 với diện tích là 1.787,4 m² và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà gỗ kiểu dân tộc Mông tại bản H 1, xã T, huyện M, tỉnh Điện Biên hiện nay đã chuyển nhượng cho anh Thào A P2 trú tại bản H 1, xã T, huyện M đang quản lý và sử dụng; thửa đất số 07, tờ bản đồ số 09 và thửa đất số 22, tờ bản đồ số 05 địa chỉ tại bản H1, H2, xã T đang do anh Thào A D1 (Thào Chung D1) trú tại bản H 2 quản lý; 01 chiếc xe máy BKS 27V1- 02274 mang tên Sùng Sĩa P không thấy lưu hành tại địa phương (*Có xác nhận của Trưởng bản H 1, địa chính xã, Công an xã và Ủy ban nhân dân xã T, huyện M ngày 17/12/2018*). Lẽ ra, sau khi Chi cục thi hành án dân sự huyện M xác minh điều kiện thi hành án của người phải thi hành án thì phải áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án ngay nhằm ngăn chặn việc tẩu tán, hủy hoại tài sản, trốn tránh việc thi hành án mới phù hợp với khoản 1 Điều 66 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn L, Chấp hành viên thuộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện M và quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tại phiên họp phúc thẩm là có căn cứ, cần chấp nhận. Do vậy, Hội đồng phúc thẩm giữ nguyên Quyết định số 06/2018/QĐDS-ST, ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện M theo điểm a khoản 3 Điều 375 của BLTTDS năm 2015 là phù hợp.

[7] Về lệ phí: Căn cứ vào Điều 150 của BLTTDS năm 2015; khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Phạm Văn L không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 375 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn L, giữ nguyên Quyết định giải quyết việc dân sự số 06/2018/QDDS-ST, ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ các Điều 150, 369, 370 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 33, 34, 35, 75 của Luật hôn nhân & gia đình; các Điều 158, 163, 164, 221 của Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn L - Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Điện Biên về việc yêu cầu Tòa án giải quyết xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của ông Sùng Sìa P để thi hành án theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu ông Phạm Văn L không phải nộp tiền lệ phí.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra Quyết định.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

(Đã ký)

Lương Tiến Phương